

TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC
CÔNG TY CỔ PHẦN 397
Số:...../CBTT-CTCP397

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đông Triều, ngày tháng năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN
Trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước
và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần 397

- Mã chứng khoán: BCB
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Số điện thoại: (020) 32211329 Fax: (020) 33871299
- Website: <http://www.congtycophan397.com.vn>
- Người thực hiện công bố thông tin: Kiều Văn Sính
- Chức vụ: Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc Công ty
- Loại thông tin công bố: ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố

- Công ty Cổ phần 397 công bố báo cáo thường niên năm 2024 như đính kèm đến Quý ủy ban, Quý Sở được biết và thực hiện công bố thông tin theo quy định.
 - Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần 397 vào ngày 9 tháng 4 năm 2025 tại đường dẫn: <http://www.congtycophan397.com.vn>
 - Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.
- Trân trọng!./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, TCLĐ, O06.

*** Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo số: 765 BC-CTCP397 ngày 9/4/2025 báo cáo thường niên năm 2024.
- BCTC năm 2024.



GIÁM ĐỐC

Kiều Văn Sính

TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC
CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Số:/BC-CTCP397

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO
Thường niên Công ty cổ phần 397 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần 397.
- Viết tắt: Công ty 397.
- Tên giao dịch quốc tế: 397 Joint Stock Company
- Tên viết tắt: 397 JSC.
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Yên Lãng I, phường Yên Thọ, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 0203.2211.329; Fax: 0203.3871.299.
- Email: ctycophan397@gmail.com
- Website: [www://congtycophan397.com.vn/](http://congtycophan397.com.vn/)
- Mã cổ phiếu: BCB
- Vốn điều lệ: 57.000.000.000 đồng (Năm mươi bảy tỷ đồng chẵn)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 5701435907 cấp lần 1 ngày 25/10/2010, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 06/11/2024 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Quảng Ninh cấp.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty 397 tiền thân là đội khai thác than số 1 được thành lập tháng 6/1996 trực thuộc Công ty Đông Bắc.

Ngày 12/4/1997 Giám đốc Công ty Đông Bắc ký Quyết định số 179 QĐ-ĐB ngày 12 tháng 4 năm 1997 về việc lâm thời thành lập Xí nghiệp khai thác than 397, khai trường khai thác của đơn vị thuộc via 14.5 Khu vực Đông Nam Đá Mài.

Ngày 07/02/1998 Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng ký quyết định số 148/QĐ-BQP về việc thành lập Xí nghiệp 397 thuộc Công ty Đông Bắc - Tổng cục Công nghiệp Quốc Phòng- Kinh tế.

Ngày 24/8/2010 Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng ký quyết định số 3138/QĐ-BQP về việc chuyển đổi mô hình từ Xí nghiệp 397 thành Công ty TNHH MTV 397 trực thuộc TCT Đông Bắc- Bộ Quốc Phòng.

Thực hiện Quyết định số 5247/QĐ-BQP ngày 06 tháng 12 năm 2015 của Bộ Quốc Phòng về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên 397 thuộc Tổng công ty Đông Bắc. Công ty 397 đã hoàn thành công tác cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty cổ phần 397 theo Quyết định 5926/QĐ-BQP ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Quốc Phòng về phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên 397 thành công ty cổ phần.

Trong những năm đầu mới thành lập do trữ lượng tài nguyên được giao ít, phân tán, đơn vị phải kết hợp khai thác lộ thiên với khai thác hầm lò, quân số, thiết bị chưa nhiều, sản lượng hàng năm chỉ đạt trên 100.000 tấn, thu nhập của người lao động chỉ đạt trên 1.000.000 đ/tháng, đời sống người lao động gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn. Từ năm 2002 Công ty được Tổng Công ty và tập đoàn Công nghiệp than- Khoáng sản Việt Nam giao cho khai thác khu vực mỏ Bàng Nâu, đây là khu vực mỏ có trữ lượng tài nguyên lớn, được đầu tư trang bị đầy đủ các loại thiết bị hiện đại, công suất lớn và tập trung khai thác lộ thiên 100%. Ngay từ khi đi vào sản xuất Công ty đã có nhiều nỗ lực, cố gắng, học hỏi, mạnh dạn áp dụng khoa học kỹ thuật, tiến hành cơ giới hóa nhằm nâng cao năng lực sản xuất than, phần đầu sản lượng năm sau luôn cao hơn năm trước, từ trên 100.000 tấn khi mới thành lập lên 750.000 tấn/năm, thu nhập người lao động bình quân đạt trên 11,8 triệu đồng/người/tháng.

Sau khi khu mỏ Bàng Nâu hết diện khai thác, Công ty tiếp tục được tập đoàn than khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty Đông Bắc giao quản lý và khai thác khu mỏ Hương Phong với diện tích 10.76 ha và thực hiện nhiệm vụ quản lý và bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ Nam Tràng Bạch với diện tích lên đến 1.009ha.

Năm 2014 khu mỏ Hương Phong hết diện khai thác, được sự nhất trí của Tổng công ty Đông Bắc, Công ty đã chuyển trụ sở làm việc và toàn bộ cán bộ, công nhân viên về khu vực Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh để triển khai công tác bảo vệ quản lý tài nguyên, ranh giới mỏ Nam Tràng Bạch và thực hiện khai thác tại vỉa 9a, 9b khu Đồi Sắn thuộc Phường Mạo Khê, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh. Năm 2017 Công ty đã thực hiện khai thác xong khu vực vỉa

9a, 9b khu Đồi sắn, công ty đã thực hiện các bước hoàn tất thủ tục hồ sơ đóng cửa mỏ, hiện đã bàn giao lại cho địa phương.

Hiện nay Công ty đang thực hiện hoạt động sản xuất tại khu mỏ Nam Trảng Bạch theo giấy phép số: 211/GP-BTNMT ngày 05/11/2020 của Bộ Tài nguyên môi trường, cho phép đơn vị khai thác than bằng phương pháp lộ thiên với diện tích khai thác 187,31 ha, trữ lượng khai thác: 6.252.378 tấn, thời hạn khai thác 07 năm. Với trữ lượng và thời gian khai thác như trên, công ty có thể triển khai thực hiện đầu tư công nghệ khai thác tiên tiến, trang thiết bị hiện đại; hạn chế tối đa tác động ảnh hưởng đến môi trường; công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động được ổn định; nhà đầu tư yên tâm với việc bảo toàn và phát triển vốn, doanh nghiệp ngày càng phát triển.

Trước đây trực thuộc công ty là các tổ đội sản xuất, do nhu cầu đổi mới của công tác quản lý, tổ chức sản xuất Công ty đã sắp xếp lại thành các Công trường, phân xưởng bố trí theo nhiệm vụ sản xuất chính, phục vụ, phụ trợ. Dưới các Công trường, Phân xưởng là các tổ, đội sản xuất và 01 đội bảo vệ chuyên trách làm nhiệm vụ quản lý, bảo vệ tài nguyên khu ranh giới mỏ Nam Trảng Bạch.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận số: 5701435907 Cấp lần 1 ngày 25/10/2010 thay đổi lần 7 ngày 06/11/2024 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Quảng Ninh.

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần 397.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác và thu gom than cứng	0510 (Chính)
2	Khai thác và thu gom than non	0520
3	Khai thác và thu gom than bùn	0892
4	Sửa chữa thiết bị điện	3314
5	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312
6	Sửa chữa thiết bị khác	3319
7	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa	5022
8	Vận tải đường ống	4940
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
10	Xây dựng công trình công ích	4220
11	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Chức năng, nhiệm vụ của Bộ máy quản lý điều hành và kiểm soát Công ty:

- Đại Hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

- Hội đồng Quản trị: Bao gồm 05 thành viên

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

- Ban kiểm soát: 03 thành viên

Ban kiểm soát thực hiện giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

- Ban Giám đốc: 04 thành viên gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc.

Giám đốc là người xây dựng kế hoạch, định hướng chiến lược phát triển của Công ty; là người quản lý điều hành toàn diện trên tất cả các mặt công tác và hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, tháng, quý, năm của Công ty. Giám đốc do Hội đồng quản trị đề xuất, giới thiệu báo cáo chủ sở hữu Quyết định bổ nhiệm. Giúp việc cho Giám đốc là các Phó giám đốc chuyên môn. Ban Giám đốc công ty có 04 người gồm 01 Giám đốc và 03 Phó giám đốc.

- Các Phòng chức năng

Phòng nghiệp vụ thực hiện nhiệm vụ cụ thể do Ban Giám đốc giao.

+ Phòng Kế hoạch kinh doanh: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc công ty hoạt động trên các lĩnh vực Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện về: Công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh; Công tác điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh, Công tác điều độ sản xuất và chuẩn bị

chân hàng; Công tác kiểm soát chi phí giá thành; Công tác thuê ngoài và công tác quản lý giá thành, tiêu thụ, kinh doanh vận tải. Hàng quý và hàng tháng; thực hiện công tác thống kê, theo dõi, hướng dẫn công tác SX; quản lý theo dõi hợp đồng kinh tế. Chủ trì theo dõi, thẩm định tham gia đấu thầu các dự án công trình.

+ Phòng Tài chính, kế toán: Chức năng chủ yếu là quản lý vốn và tài sản, hạch toán sản xuất kinh doanh, kiểm tra tài chính kế toán; lập kế hoạch tài chính; cân đối các khoản thu, chi; đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn và tài sản tham gia trong sản xuất kinh doanh; xây dựng quy chế về quản lý tài chính; Kiểm tra giám sát việc thực hiện chế độ kế toán của Nhà nước và quy chế quản lý tài chính của Công ty; tổ chức kiểm kê tài sản theo quy định; báo cáo tài chính hàng năm trình cấp trên phê duyệt.

+ Phòng Tổ chức Lao động: Thực hiện công tác quản lý lao động, tiền lương; công tác chính sách đối với người lao động; công tác tổ chức biên chế, chức danh; công tác đào tạo; công tác quân số. Xây dựng đề án phương án quy hoạch đội ngũ cán bộ, công nhân viên kỹ thuật và người lao động.

+ Văn phòng: Thực hiện nhiệm vụ công tác đối ngoại, lễ tân hành chính, duy trì nề nếp chính quy cơ quan, văn thư lưu trữ, quản lý trụ sở, thiết bị văn phòng, hậu cần, quân y, bảo vệ.

+ Phòng Chính trị: Thực hiện các hoạt động công tác đảng, công tác chính trị. Giáo dục, thi đua, tuyên truyền cổ động; công tác tổ chức xây dựng đảng, xây dựng các tổ chức quần chúng.

+ Phòng Kỹ thuật An toàn: Thực hiện công tác xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện về: Công tác quy hoạch đầu tư phát triển sản xuất của Công ty; Công tác nghiên cứu khoa học ứng dụng công nghệ mới vào quá trình sản xuất kinh doanh và công tác môi trường, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Công tác hướng dẫn, xây dựng kế hoạch BHLĐ; kế hoạch PCCC; công tác kiểm tra, giám sát AT-VSLĐ, công tác phòng chống cháy nổ, tham gia cùng các cơ quan có liên quan thực hiện công tác khắc phục sự cố và công tác sơ cấp cứu.

+ Phòng Đầu tư xây dựng: Thực hiện công tác ĐT-XD trong Công ty tuân thủ đúng pháp luật hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng, các quy định về công tác quản lý đầu tư xây dựng của cơ quan cấp trên và Quy chế, quy định quản lý đầu tư xây dựng của Công ty.

+ Phòng Cơ điện vận tải: Thực hiện công tác xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện về: Công tác cơ điện, vận tải, vật tư, nhiên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh; công tác quản lý, khai thác sử dụng trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh, hệ thống cung ứng và sử dụng điện năng; công

tác cấp phát và sử dụng vật tư theo định mức kinh tế kỹ thuật đã được phê duyệt và quản lý chất lượng trang bị kỹ thuật phục vụ sản xuất.

b) Các công trường, phân xưởng, đội bảo vệ:

- Công trường khai thác lộ thiên: Chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ sản xuất trực tiếp, khai thác than của công ty.

- Phân xưởng vận tải tiêu thụ: Chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ vận tải, sàng tuyển chế biến và tiêu thụ than do công ty khai thác.

- Phân xưởng sửa chữa phục vụ: Chịu trách nhiệm thực hiện các công việc sửa chữa xe, máy, phục vụ phụ trợ cho các công trường, phân xưởng.

- Đội bảo vệ: Chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý, bảo vệ ranh giới của công ty đảm bảo ranh giới mỏ an toàn.

5. Định hướng phát triển và các giải pháp cơ bản thực hiện mục tiêu phát triển

a) Định hướng phát triển

- Triển khai dự án khai thác lộ thiên kết hợp cải tạo các hồ Cầu cuốn, hồ Nội Hoàng, Khe Ưon thuộc khu vực các xã Hoàng Quế, Hồng Thái Đông, Hồng Thái Tây của Thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Tiếp tục mở rộng, xuống sâu khai thác khu mỏ Nam Tràng Bạch.

b) Các giải pháp cơ bản thực hiện mục tiêu phát triển

- Giải pháp về tổ chức biên chế

+ Ổn định về mặt tổ chức, tái cơ cấu Công ty, biên chế bộ máy cơ quan các cấp tinh gọn. Lập phương án quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, bố trí nhân sự phù hợp với khả năng cá nhân và đáp ứng yêu cầu cao của công việc. Triển khai thực hiện công tác tự đào tạo, tuyển dụng và đảm bảo chế độ chính sách với người lao động.

+ Xây dựng và thực hiện các chính sách ưu đãi cụ thể để thu hút lực lượng chuyên môn kỹ thuật, công nhân có tay nghề cao, tuyển dụng thêm các cán bộ là kỹ sư xây dựng, kỹ sư khai thác, kinh tế, quản trị kinh doanh... mở lớp tập huấn, cử đi đào tạo cán bộ quản lý các cấp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

+ Bảo đảm đầy đủ điều kiện, môi trường làm việc an toàn và chăm lo đời sống cho người lao động.

+ Nghiên cứu, đề xuất và ban hành quy chế trả lương của Công ty đảm bảo công bằng, tương xứng với nhiệm vụ, năng suất lao động và hiệu quả công việc, khuyến khích cán bộ, công nhân viên có động cơ tích cực phấn đấu, đạt hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.

+ Thường xuyên rà soát lại toàn bộ các quy chế hiện hành để bổ sung, sửa đổi và ban hành phù hợp, đáp ứng mô hình tổ chức của Công ty cổ phần.

- Giải pháp về phát triển ngành nghề và sản phẩm

+ Đầu tư các máy móc mới có hiệu quả cao trong sản xuất, tận dụng và phân bổ sử dụng các thiết bị vào vị trí phù hợp

+ Tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, kể cả nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; thường xuyên chú trọng công tác đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động. Tiếp tục rà soát hoàn thiện thang lương, bảng lương, quy trình quản lý nhân sự và định mức lao động khi đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ mới

+ Ứng dụng công nghệ cao vào khai thác nhằm quản lý tốt chi phí và đưa ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí nhiên liệu.

+ Đẩy mạnh áp dụng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; lựa chọn công nghệ tiên tiến, hiện đại phù hợp với tình hình thực tế; các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất đối với các dự án mở đang thực hiện và các dự án triển khai theo tiến độ Quy hoạch 403 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm bảo đảm an toàn và nâng cao hiệu quả SXKD. Triển khai, hướng dẫn các đơn vị thực thi tốt các quy định về công tác an toàn.

- Giải pháp về môi trường

+ Xây dựng các hệ thống lọc gió, phun sương dập bụi trong quá trình sản xuất, không gây ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

+ Áp dụng công nghệ nổ mìn mới nhằm mang lại lợi ích cao và không gây chấn động đến môi trường xung quanh.

+ Xây dựng hệ thống hàng rào và các lan can chắn chắn quanh khu vực khai thác nhằm hạn chế tối đa việc tác động đến môi trường trong quá trình khai thác và vận chuyển.

- Giải pháp về công tác đầu tư.

+ Tiếp tục từng bước nghiên cứu đầu tư đồng bộ các thiết bị chuyên dùng để thi công khai thác than như: Máy xúc, ô tô có trọng tải lớn; vận chuyển đất đá, than bằng đường ống băng tải để tránh ô nhiễm môi trường, giảm chi phí giá thành sản xuất.

+ Thực hiện đầu tư bổ sung thiết bị thi công đường giao thông, ô tô vận tải, có yêu cầu chất lượng cao, từng bước nâng cao tỷ lệ khối lượng công việc do máy móc thiết bị thực hiện nhằm tăng năng suất lao động đem lại hiệu quả kinh tế cao.

- Giải pháp về nguồn vốn .

- + Làm tốt công tác quan hệ với các Ngân hàng đang vay, tiếp tục thực hiện các hợp đồng tín dụng đã ký kết với doanh nghiệp Nhà nước.
- + Tăng cường thu hồi công nợ từ khách hàng; Làm tốt công tác thanh toán, thu hồi vốn từ các Chủ đầu tư.
- + Thu hồi vốn ứ đọng nội bộ: nợ cá nhân, trong thanh toán nội bộ.
- + Tăng cường huy động các nguồn vốn: mua hàng trả chậm, tạm ứng trước khi thi công, phát hành cổ phiếu, huy động vốn nhân rồi, vốn tiết kiệm của Cán bộ công nhân viên.
- + Thực hiện thế chấp bằng tài sản đối với các cá nhân nhân khoản.
- + Chia cổ tức hàng năm cho các cổ đông bằng tiền hoặc cổ phiếu theo nguyện vọng của các Cổ đông thông qua biểu quyết tại Đại hội cổ đông.

6. Các rủi ro

Rủi ro về duy trì hoạt động thường xuyên của thiết bị: Hiện tại một số thiết bị chủ lực của Công ty đang sử dụng do một số hãng độc quyền cung cấp vật tư thay thế như máy xúc, máy gạt của hãng Komatsu; xe HD 465-7, CATERMILER, nếu phải thay thế sửa chữa sẽ phải chờ đợi lâu do hàng hóa ngoài thị trường không có, công ty phải đặt hàng trước từ 2-3 tháng mới có hàng mới về. Như vậy sẽ ảnh hưởng đến tình hình sản xuất của công ty.

Rủi ro về biến động thị trường: Việc cung cấp hàng hóa ra thị trường phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như: Giá bán than cho các hộ điện, đạm, xi măng phụ thuộc vào điều tiết của Chính phủ; giá bán xuất khẩu thì phụ thuộc vào tỷ giá của đồng USD; giá cả đầu vào như xăng, dầu tăng cao do ảnh hưởng của chiến tranh Nga-Ucraina... Công ty không được chủ động trong việc điều hành giá than mà giá bán do Tổng công ty điều tiết, dẫn đến không chủ động được điều hành doanh thu, lợi nhuận.

Quản lý rủi ro lãi suất: Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn từ các khoản vay chịu lãi suất, đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi xuất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về thị trường lao động: Ngành than là ngành đặc thù so với các ngành khác, đối với lao động lành nghề, có tay nghề cao nếu công ty không có chính sách sử dụng, chính sách đãi ngộ hợp lý... rất dễ xảy ra tình trạng người lao động có tay nghề cao sẽ chuyển việc, gây ra tình trạng thiếu hụt lao động thợ bậc cao...

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Chỉ huy công ty và sự quan tâm giúp đỡ kịp thời của các cơ quan chức năng, sở, ban ngành các cấp. Công ty

cổ phần 397 luôn hoàn thành nhiệm vụ, đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024 có sự phát triển và tăng trưởng cao. Vốn Nhà nước được bảo toàn và phát triển, tạo được sự yên tâm cho các nhà đầu tư chiến lược và các cổ đông. Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách đối với Nhà nước; nhiệm vụ quân sự, quốc phòng được củng cố và tăng cường; Đời sống người lao động luôn được cải thiện và ngày càng được nâng cao.

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Ban điều hành công ty đã đề ra những mục tiêu và giải pháp trọng tâm để thực hiện kế hoạch năm 2024, đảm bảo sản xuất an toàn và kinh tế, sử dụng linh hoạt các nguồn vốn của Công ty trên nguyên tắc bảo toàn, phát triển và hiệu quả cao.

Ngay từ đầu năm Ban điều hành Công ty đã kịp thời đưa ra nhiều giải pháp và nhiệm vụ cụ thể với phương châm: “Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động và an toàn là trên hết” nhằm thực hiện thành công nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua.

Trong năm, Công ty đã khai thác được 1.000.530 tấn than nguyên khai đạt 100,05% so với kế hoạch, thực hiện bóc đất đá được 11.452.804 m³ đất đá đạt 100,05% so với kế hoạch. Hàng năm Công ty đã thường xuyên cải tiến kỹ thuật, đầu tư trang thiết bị, góp phần tăng doanh thu song hành cùng việc tiết giảm chi phí sản xuất, lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 26.301 triệu đồng, bằng 104,37% so với kế hoạch.

Tóm tắt tình hình hoạt động SXKD năm 2024 của Công ty như sau:

ST T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	So sánh TH 2024/TH 2023 (%)	So sánh TH 2024/KH 2024
1	Sản lượng than Nguyên khai (Tấn)	1.005.255	1.000.000	1.000.530	99,53	100,05
2	Sản lượng đất bóc (m ³)	19.257.307	11.447.000	11.452.804	59,47	100,05
3	Lợi nhuận trước thuế (Trđ)	27.013,95	25.200	26.301	97,36	104,37
4	Lợi nhuận sau thuế (Trđ)	20.799,84	20.160	20.027	96,28	99,34

2. Tổ chức nhân sự

a) Danh sách Chủ tịch HĐQT và Ban điều hành

- Ông Đỗ Đình Kỳ - Chủ tịch HĐQT
- Ông Kiều Văn Sính - Giám đốc Công ty

3. Ông Phan Đức Trung - Phó Giám đốc
4. Ông Phạm Xuân Huyền - Phó Giám đốc
5. Ông Trần Văn Kiên - Phó Giám đốc (Từ 20/02/2024)
6. Ông Phạm Hồng Sơn - Phó Giám đốc (chuyển đi ngày 20/02/2024)
7. Ông Đỗ Quang Thái - Phó Giám đốc (chết ngày 13/03/2024)
8. Ông Nguyễn Đình Thuận - Kế toán trưởng

Danh sách trích ngang Chủ tịch HĐQT và Ban điều hành công ty

Số TT	Họ và tên	Quá trình công tác
1	Ông Đỗ Đình Kỳ	Chủ tịch HĐQT
	Giới tính	Nam
	Ngày, tháng, năm sinh	16.7.1969
	Nơi sinh	An Hiệp – Quỳnh Phụ - Thái Bình
	Dân tộc	Kinh
	Quốc tịch	Việt Nam
	Địa chỉ thường trú	Láng Thượng – Đống Đa – Hà Nội
	Trình độ văn hóa	12/12
	Số thẻ CCCD	034069020418; Ngày cấp: 24/09/2021; Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
	Trình độ đào tạo	- Đại học Bách khoa Hà Nội (03/1997-02/2002) - Đại học mỏ - Địa chất (02/2004 - 09/2007)
	Chức vụ đang nắm giữ tại CT	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần 397
	Quá trình công tác	- Chiến sỹ, C19, Trung đoàn 35, Binh đoàn 12, Quảng Ninh (3/1987 – 6/1990) - Nhân viên văn thư, Trung đoàn 35, Binh đoàn 12, Quảng Ninh (7/1990 – 8/1997) - Nhân viên Phòng kế hoạch, XN 397, Cty Đông Bắc, TCHC (09/1997 – 6/2007) - Trợ lý Phòng kế hoạch, XN 397, TCT Đông Bắc, TCHC (7/2007 – 3/2008) - Trưởng Phòng kế hoạch, XN 397, TCT Đông Bắc, BQP (7/2007 – 7/2010) - Trưởng Phòng kế hoạch, CT TNHH MTV 397, TCT Đông Bắc, BQP (8/2010 – 3/2018)

Số TT	Họ và tên	Quá trình công tác
		<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng Phòng kế hoạch, Công ty cổ phần 397, TCT Đông Bắc, BQP (4/2018 – 11/2018) - Phó Giám đốc, Công ty cổ phần 397 (12/2018 – 15/01/2023) - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần 397 (Từ 16/01/2023 đến nay)
	Số cổ phần nắm giữ	
	<ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần cá nhân sở hữu: - Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước: 	9.120 cổ phần 672.600 cổ phần
	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
	Quyền lợi, mâu thuẫn với c.ty	Không
2	Ông Kiều Văn Sinh	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần 397
	Giới tính	Nam
	Ngày, tháng, năm sinh	17.11.1970
	Nơi sinh	Tân Sơn – Kim Bảng – Hà Nam
	Dân tộc	Kinh
	Quốc tịch	Việt Nam
	Địa chỉ thường trú	Phường Phú Thượng - Quận Tây Hồ - TP. Hà Nội
	Trình độ văn hóa	12/12
	Số CCCD	035070000111; Ngày cấp: 17/06/2022; Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
	Trình độ đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Trường Trung cấp sửa chữa ô tô (1989 – 1991) - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, chuyên ngành QTKD, 5 năm - Trường Đại học mở Địa chất, chuyên ngành Tuyển khoáng, 5 năm (2003 – 2007)
	Chức vụ đang nắm giữ tại CT	Giám đốc Công ty cổ phần 397
	Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Chiến sỹ trường Sỹ quan Tăng, thiết giáp - Binh chủng Tăng – Thiết giáp (3/1988 – 9/1989) - Tiểu đội trưởng học viên C2, Trường Kỹ thuật ô tô II - Cục ô tô máy kéo trạm nguồn (10/1989 – 10/1981)

Số TT	Họ và tên	Quá trình công tác
		<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ đội khai thác than - Bình chủng Tăng thiết giáp (11/1991 – 01/1994) - PT. Phó Trưởng phòng Kế hoạch, Phó TP - Xí nghiệp khai thác than Thăng Long – Công ty Đông Bắc (02/1994 – 5/2005) - Trưởng phòng Kế hoạch - Xí nghiệp khai thác than Thăng Long - TCT Đông Bắc. (06/2005-5/2007) - Phó Giám đốc – Xí nghiệp khai thác than Thăng Long - TCT Đông Bắc. (06/2007-11/2009) - Giám đốc Xí nghiệp KTT Thăng Long - TCT Đông Bắc. (12/2009 -8/2010) - Giám đốc Công ty TNHH MTV Thăng Long - TCT Đông Bắc. (9/2010 - 3/2018) - Giám đốc Công ty Cổ phần 397 (4/2018 đến nay)
	Số cổ phần nắm giữ	
	<ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần cá nhân sở hữu - Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước 	1.596.000 cổ phần
	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
	Quyền lợi, mâu thuẫn với c.ty	Không
3	Ông Phan Đức Trung	
	Giới tính	Nam
	Ngày, tháng, năm sinh	10.10.1974
	Nơi sinh	Nhân Thành – Yên Thành – Nghệ An
	Dân tộc	Kinh
	Quốc tịch	Việt Nam
	Địa chỉ thường trú	Yên Thọ – Đông Triều – Quảng Ninh
	Trình độ văn hóa	12/12
	Số CMTND, Số thẻ CCCD	040074016488; Ngày cấp: 16/08/2021; Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
	Trình độ đào tạo	
	Chức vụ đang nắm giữ tại c.ty	Phó Giám đốc

Số TT	Họ và tên	Quá trình công tác
	Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Chiến sỹ Quân đoàn 4 (9/1993-8/1994)- Học viên trường SQLQ2 (9/1994-8/1998)- Trợ lý tham mưu Quân đoàn 3 (8/1998-8/2012)- Giáo viên chiến thuật Quân đoàn 3 (8/2012-3/2021)- Phó giám đốc, Công ty cổ phần 397 (4/2021 đến nay)
	Số cổ phần nắm giữ	
	<ul style="list-style-type: none">- Số cổ phần cá nhân sở hữu:- Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước:	169.200 cổ phần
	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
	Quyền lợi, mâu thuẫn với CT	Không
4	Ông Đỗ Quang Thái	
	Giới tính	Nam
	Chức vụ hiện tại	Phó Giám đốc Công ty cổ phần 397
	Ngày, tháng, năm sinh	19.11.1970
	Nơi sinh	Cẩm Bình – Cẩm Phả - Quảng Ninh
	Dân tộc	Kinh
	Quốc tịch	Việt Nam
	Địa chỉ thường trú	Cẩm Bình – Cẩm Phả - Quảng Ninh
	Trình độ văn hóa	12/12
	Số CMTND, Số thẻ CCCD	100502847; Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Ninh; Ngày cấp: 22/8/2013
	Trình độ đào tạo	ĐH Mỏ - Địa chất, Khai thác mỏ (09/1988-06/1993)
	Chức vụ đang nắm giữ tại c.ty	Phó Giám đốc Công ty cổ phần 397
	Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Kỹ sư, Khai thác, Mỏ Thống Nhất, Công ty than Cẩm Phả (11/1993 – 02/1997)- Kỹ sư, Khai thác, XN 397, Công ty ĐB, TCHC (03/1997 – 5/1999)- Trợ lý kỹ thuật, XN 397, Công ty ĐB, TCHC (6/1999 – 11/1999)- Phụ trách phòng kỹ thuật, XN 397, Công ty ĐB, TCHC (12/1999 – 8/2002)

Số TT	Họ và tên	Quá trình công tác
		<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng phòng kỹ thuật, XN 397, Công ty ĐB, TCHC (9/2002 – 3/2008) - Phó giám đốc, XN 397, TCT Đông Bắc, BQP (4/2008 – 7/2010) - Phó giám đốc, Công ty TNHH MTV 397, TCT Đông Bắc, BQP (8/2010 – 3/2018) - Phó giám đốc, Công ty cổ phần 397 (4/2018 đến 13/03/2024)
	Số cổ phần nắm giữ	0
	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
	Quyền lợi, mâu thuẫn với c.ty	Không
5	Ông Phạm Hồng Sơn	
	Giới tính	Nam
	Chức vụ hiện tại	Phó Giám đốc Công ty cổ phần 397
	Ngày, tháng, năm sinh	05.08.1975
	Nơi sinh	Sao Đỏ - Chí Linh – Hải Dương
	Dân tộc	Kinh
	Quốc tịch	Việt Nam
	Địa chỉ thường trú	Đông Hải 1 – Hải An – Hải Phòng
	Trình độ văn hóa	12/12
	Số CMTND, Số thẻ CCCD	101266978, Ngày cấp: 14/05/2013, nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Ninh.
	Trình độ đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đại học xây dựng (1993 -1998) - ĐH kinh tế quốc dân (2009-2012)
	Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	Phó Giám đốc Công ty cổ phần 397
	Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Trợ lý kế hoạch, xí nghiệp 97, Binh đoàn 12 (01/2000 – 5/2008) - Trưởng phòng kế hoạch, xí nghiệp 97, Binh đoàn 12 (6/2008-12/2012) - Giám đốc Trung tâm bom mìn, Tổng công ty Đông Bắc (01/2012-02/2018) - Trợ lý văn phòng, Tổng công ty Đông Bắc (03/2018-02/2019) - Phó Giám đốc, Công ty cổ phần 397 (03/2019 đến 20/02/2024)
	Số cổ phần nắm giữ	
	- Số cổ phần cá nhân sở hữu:	0 cổ phần

Số TT	Họ và tên	Quá trình công tác
	- Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước:	0 cổ phần
	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
	Quyền lợi, mâu thuẫn với công ty	Không
6	Ông Phạm Xuân Huyền	Thành viên HĐQT
	Giới tính	Nam
	Chức vụ hiện tại	Phó Giám đốc Công ty cổ phần 397
	Ngày, tháng, năm sinh	16.03.1975
	Nơi sinh	Canh Tân – Hưng Hà – Thái Bình
	Dân tộc	Kinh
	Quốc tịch	Việt Nam
	Địa chỉ thường trú	Hùng Thắng – Hạ Long – Quảng Ninh
	Trình độ văn hóa	12/12
	Số CMTND, Số thẻ CCCD	034075019716; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Ngày cấp: 09/5/2021
	Trình độ đào tạo	- Đại học Mỏ - Địa chất, 1993 - 1998; Đại học; Chính quy; Địa chất Dầu - Trường Đại học mỏ địa chất, 2003 - 2006; Tại chức; Kinh tế- Quản trị doanh nghiệp. - Trường Quân sự Quân khu 3, (9 - 11/2010); Bồi dưỡng KTQS - Trường Đại học mỏ địa chất, (2013 - 2017), vừa làm vừa học; Kỹ sư kỹ thuật mỏ
	Quá trình công tác	- Nhân viên Kỹ thuật, XN 45, Cty Đông Bắc, TCHC (6 – 9/2000) - Nhân viên Kỹ thuật, XN 397, Cty Đông Bắc, TCHC (10/2000 – 8/2006) - Trợ lý phòng KTSX, XN 397, TCT Đông Bắc, BQP (9/2006 – 3/2008) - Phó phòng KTSX, XN 397, TCT Đông Bắc, BQP (4/2008 – 7/2008) - Trưởng phòng KTSX, XN 397, TCT Đông Bắc, BQP (8/2008 – 9/2010) - Trưởng phòng KTSX, Công ty TNHH MTV 397, TCT Đông Bắc, BQP

Số TT	Họ và tên	Quá trình công tác
		(10/2010 – 3/2018) - Trưởng phòng KTSX, Công ty TNHH MTV 397, TCT Đông Bắc, BQP (10/2010 – 3/2018) - Trưởng phòng KTSX, Công ty cổ phần 397, TCT Đông Bắc, BQP (4/2018 – 12/2022) - Phó Giám đốc, Công ty cổ phần 397, TCT Đông Bắc (01/2023 đến nay).
	Số cổ phần nắm giữ	
	- Số cổ phần cá nhân sở hữu: - Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước:	7.638 cổ phần 319.200 cổ phần
	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
	Quyền lợi, mâu thuẫn với CT	Không
7	Ông Trần Văn Kiên	
	Giới tính	Nam
	Chức vụ hiện tại	Phó Giám đốc Công ty cổ phần 397
	Ngày, tháng, năm sinh	02/09/1980
	Nơi sinh	Thôn Bãi 2, Tiên An, Quảng Yên, Quảng Ninh
	Dân tộc	Kinh
	Quốc tịch	Việt Nam
	Địa chỉ thường trú	Tổ 5, Vĩnh Tuy 1, Maaoj Khê, Đông Triều, Quảng Ninh
	Trình độ văn hóa	12/12
	Số CMTND, Số thẻ CCCD	022080011159, Nơi cấp CCS QLHC về TTXH, ngày cấp 09/05/2021
	Trình độ đào tạo	- Trường Đại học mỏ địa chất, 1999 - 2004; Chính quy; Kỹ sư khai thác mỏ. - Trường Đại học mỏ địa chất, (2010), Thạc sỹ Khai thác mỏ
	Quá trình công tác	- Nhân viên kỹ thuật XN KTT 91 Cty Đông BắcTCHC(9/2004-5/2005) - Nhân viên kỹ thuật XN KTT 91 Cty Đông Bắc BQP(6/2006-4/2006) - Trợ lý, kỹ thuật XN KTT 91 Cty Đông Bắc BQP(5/2006-3/2007) - Trợ lý, kỹ thuật cty TNHH MTV 91

Số TT	Họ và tên	Quá trình công tác
		TCty Đông Bắc BQP(4/2007-4/2010) - Phó phòng, kỹ thuật cty TNHH MTV 91 TCty Đông Bắc BQP(5/2010-6/2012) - Trưởng phòng, kỹ thuật cty TNHH MTV 618 TCty Đông Bắc BQP(7/2012-11/2013) - Phó giám đốc cty TNHH MTV 618 TCty Đông Bắc BQP(12/2013-7/2018) - PT Giám đốc cty TNHH MTV 790 TCty Đông Bắc BQP(8/2018-10/2018) - Phó giám đốc cty TNHH MTV 45 TCty Đông Bắc BQP(11/2018-9/2019) - Phó giám đốc cty 45 chi nhánh TCty Đông Bắc BQP(10/2019-2/2024) Phó Giám đốc, Công ty cổ phần 397, TCT Đông Bắc BQP (03/2024 đến nay).
	Số cổ phần nắm giữ	
	- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước:	0
	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
	Quyền lợi, mâu thuẫn với CT	Không
8	Ông Nguyễn Đình Thuận	
	Giới tính	Nam
	Chức vụ hiện tại	Kế toán trưởng Công ty cổ phần 397
	Ngày, tháng, năm sinh	02.02.1975
	Nơi sinh	Cộng Hòa – Chí Linh – Hải Dương
	Dân tộc	Kinh
	Quốc tịch	Việt Nam
	Địa chỉ thường trú	Sao Đỏ – Chí Linh – Hải Dương
	Trình độ văn hóa	12/12
	Số CMTND, Số thẻ CCCD	141820091, Ngày cấp: 19/12/2011, nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương.
	Trình độ đào tạo	- Học viện tài chính (1998-2002)
	Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	Kế toán trưởng Công ty cổ phần 397
	Quá trình công tác	- Nhân viên, công ty xây lắp thủy lợi Hải Dương (03/2002 – 03/2003) - Kế toán viên, Trường kỹ thuật nghiệp

Số TT	Họ và tên	Quá trình công tác
		<p>vụ cơ giới đường bộ Chí Linh (04/2003-05/2006)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên kinh tế, Công ty 86, Tổng công ty Đông Bắc (09/2006-11/2009) - Nhân viên kinh tế Đội quản lý đường vận tải mỏ, Tổng công ty Đông Bắc (12/2009-07/2012) - Trưởng phòng TCKT, Công ty 618, Tổng Công ty Đông Bắc (08/2012-09/2019) - Phó trưởng phòng TCKT, Công ty 91, Tổng công ty Đông Bắc (10/2019-12/2019) - Cán bộ phòng TCKT, Công ty cổ phần 397, Tổng Công ty Đông Bắc (01/2019-03/2020) - Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng TCKT, Công ty CP 397, Tổng công ty Đông Bắc (04/2020 đến nay)
	Số cổ phần nắm giữ	
	<ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần cá nhân sở hữu: - Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước: 	<p>8.094 cổ phần</p> <p>150.000 cổ phần</p>
	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
	Quyền lợi, mâu thuẫn với CT	Không

b) Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2024

- Ông Phạm Hồng Sơn chuyển công tác từ ngày 20/02/2024.
- Ông Trần Văn Kiên chuyển về làm Phó giám đốc từ ngày 20/02/2024.
- Ông Đỗ Quang Thái chết ngày 13/03/2024.

c) Số lượng cán bộ, công nhân viên

Số TT	Đơn vị	Số LĐ đầu kỳ 01/01/2024	LD tăng trong kỳ	LD giảm Trong kỳ	Số LĐ cuối kỳ 31/12/2024
1	Người quản lý	8	1	2	7
2	Văn phòng	23	2	1	24
3	Tổ chức lao động	5			5
4	Chính trị	5			5

Số TT	Đơn vị	Số LĐ đầu kỳ 01/01/2024	LD tăng trong kỳ	LD giảm Trong kỳ	Số LĐ cuối kỳ 31/12/2024
5	Tài chính kế toán	4			4
6	Kế hoạch	6			6
7	Cơ điện vận tải	12	2	2	12
8	Kỹ thuật An toàn	13		2	11
9	Đầu tư Xây dựng	8		2	6
10	Công trường KTLT	162	7	5	164
11	Phân xưởng VTTT	67	1	3	65
12	Phân xưởng SCPV	62	4	1	65
13	Đội Bảo vệ	31		1	30
	Tổng cộng	406	17	19	404

d) Chế độ chính sách đối với người lao động:

- Chính sách tiền lương

Công ty đã xây dựng và ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương áp dụng đối với CBCN và Người lao động trong Công ty cổ phần 397 theo đúng hướng dẫn của các văn bản pháp luật hiện hành: Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Căn cứ Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Căn cứ Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Căn cứ Văn bản 5379/ĐB-TCLĐ ngày 11/7/2024 của Tổng công ty Đông Bắc về việc: Lưu ý thực hiện Nghị định (73/2024/NĐ-CP; 74/2024/NĐ-CP) ngày 30/6/2024 của Chính phủ;; Quyết định số 7824/QĐ-ĐB ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Tổng Công ty Đông Bắc về việc: Ban hành hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của Công ty mẹ - Tổng Công ty Đông Bắc;

Công ty có Quy chế trả lương cho người lao động, đảm bảo việc trả lương cho người lao động công bằng theo mức độ đóng góp của cá nhân, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Công ty và người lao động.

Thu nhập bình quân của người lao động trong công ty luôn giữ được sự ổn định, năm sau luôn cao hơn so với năm trước.

- Quản trị nguồn nhân lực:

Công ty luôn chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực: Bố trí luân chuyển và bổ nhiệm một số cán bộ quản lý; thay thế thiết bị công nghệ, tối ưu hóa việc phân công lao động trong dây truyền sản xuất để ít phải bổ sung nhân lực khi người lao động nghỉ việc, chuyển công tác; Công ty luôn thường xuyên quan tâm đến công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đào tạo công nhân kỹ thuật có tay nghề cao; đào tạo lại, đào tạo chuyển đổi ngành nghề, đội ngũ cán bộ quản lý...

- Chính sách khác

Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động để người lao động luôn có điều kiện tập trung sản xuất, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo an toàn và hiệu quả; tổ chức các hoạt động phong trào văn hóa, thể thao...

Ngoài các chế độ theo quy định của pháp luật mà người lao động được hưởng, Công ty còn ký kết Thỏa ước LĐTT, trong đó có một số quyền lợi NLĐ được hưởng cao hơn luật như:

+ Được Công ty xem xét ưu tiên hỗ trợ cho mượn đất xây nhà, hỗ trợ tiền xây nhà đồng đội, nếu như NLĐ chưa có nhà ở

+ Ưu tiên tuyển dụng con em NLĐ vào làm việc khi có đủ điều kiện theo Quy chế tuyển dụng, khi Công ty có nhu cầu về việc làm.

+ Khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất. Cho đi tham quan, nghỉ mát cả trong và ngoài nước.

+ Người lao động được Công ty mua bảo hiểm con người, trực hỗ trợ, trợ cấp khi gặp rủi ro (tùy theo mức độ nặng, nhẹ).

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Tình hình kết quả đầu tư tài chính, góp vốn vào doanh nghiệp khác tại thời điểm 31/12/2024 như sau (*số liệu từ BCTC đã được kiểm toán năm 2024*):

Năm 2024, Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty là: 1.070.572,29 triệu đồng. Doanh thu chủ yếu từ lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi tiền ký quỹ bảo vệ môi trường...

b) Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Năm 2024, Công ty không thực hiện các hoạt động đầu tư ra ngoài DN.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	So sánh 2024/2023(%)
1.	Tổng giá trị tài sản	371.357,12	284.938,79	76,72
2.	Doanh thu thuần	1.509.162,12	1.070.572,29	70,94

3.	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	26.601,88	26.130,88	98,13
4.	Lợi nhuận khác	412,066	169,83	41,22
5.	Lợi nhuận trước thuế	27.013,94	26.300,71	97,36
6.	Lợi nhuận sau thuế	20.799,84	20.026,75	96,28
7.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	2.919	2.810	96,27

(Nguồn BCTC đã kiểm toán năm 2024)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ(TSNH)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,16	0,21	
	+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ – Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	Lần	0,14	0,16	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	+ Hệ số Nợ (Nợ phải trả/Tổng tài sản)	Lần	0,78	0,72	
	+ Hệ số Nợ (Nợ phải trả/Vốn CSH)	Lần	3,72	2,67	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	+ Vòng quay hàng tồn kho:				
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	170,39	83,17	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	3,63	3,42	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,38	1,87	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	26,18	35,13	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài	%	5,00	6,39	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
	sản				
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,76	2,44	

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Doanh thu

Tổng doanh thu năm 2024 đạt 1.072.379,56 tr đồng. Trong đó doanh thu bán than, sản phẩm ngoài than và kinh doanh dịch vụ đạt 1.070.572,67 tr đồng. Doanh thu từ hoạt động tài chính và doanh thu khác: 1.806,96 tr đồng.

b) Chi phí Sản xuất kinh doanh

Tổng chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024 là: 1.046,08 tỷ đồng, trong đó chi phí khai thác than, sản phẩm ngoài than và chi phí kinh doanh dịch vụ là 959,31 tỷ đồng, chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác: 5,13 tỷ đồng, chi phí bán hàng là: 0 tỷ đồng và chi phí quản lý doanh nghiệp là: 81,64 tỷ đồng

c) Lợi nhuận

Với các yếu tố tác động tới doanh thu và chi phí, lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 26,30 tỷ đồng bằng 104,37 % kế hoạch và bằng 97,37 % so với năm 2023.

Trong năm 2024 Công ty cổ phần 397 đã đạt được những tiến bộ vượt bậc như sau:

- Công ty đã sắp xếp lại mô hình tổ chức biên chế, bố trí lại lao động hợp lý hơn, phù hợp với yêu cầu sản xuất và kinh doanh, gọn nhẹ và năng động hơn.
- Hoàn thiện các Nội quy, quy chế, quy định, định mức trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản lý của công ty gần và sát với thực tế lao động sản xuất.
- Ý thức chấp hành kỷ luật lao động của người lao động được nâng lên rõ rệt, ngày càng có trách nhiệm với công việc và gắn bó với Công ty.
- Tăng cường công tác quản lý sản xuất kinh doanh nhằm tăng doanh thu, tiết giảm chi phí và đạt lợi nhuận cao nhất.

Các biện pháp kiểm soát:

- Tăng cường công tác tự kiểm tra và kiểm tra nội bộ trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, đặc biệt là trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị.
- Duy trì việc chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị.
- Tăng cường các phong trào thi đua quyết thắng, nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật lao động, tinh thần phấn đấu hăng say, năng động sáng tạo trong lao động.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Trong năm 2024 tổng giá trị tài sản của Công ty 284.938,79 triệu đồng

b) Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả năm 2024 là 206.738,97 triệu đồng. Công ty không có các khoản nợ xấu và nợ quá hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2024, Công ty định biên cơ cấu lại tổ chức, chính sách quản lý. Công ty chú trọng đến công tác phát triển nội bộ, nâng cao chất lượng cán bộ công nhân viên, tiếp tục phát huy phong trào “Nâng cao hiệu quả SXKD, tăng năng suất lao động và an toàn hiệu quả” trong lao động sản xuất:

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Duy trì vận hành an toàn – kinh tế các tổ sản xuất, nâng cao độ sẵn sàng của các thiết bị. Thực hiện chiến lược nâng cao phẩm cấp thợ, tăng năng suất, đảm bảo luôn sẵn sàng về sản lượng khi có yêu cầu trong bất kỳ tình huống nào. Đảm bảo tăng doanh thu và lợi nhuận, góp phần tăng thu nhập cho người lao động, xây dựng công ty vững mạnh toàn diện.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Thực hiện giám sát môi trường định kỳ: Thực hiện tốt việc giám sát môi trường định kỳ hàng, quý Công ty phối hợp với Công ty CP Tin học Công nghệ Môi trường – Vinacomin thực hiện Quan trắc môi trường báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Đã thực hiện lập và được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện nộp phí môi trường, kê khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Công tác quản lý nước thải: Thực hiện xử lý nước thải mô, nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn môi trường theo quy định trước khi xả thải ra môi trường: Công ty đã xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp đạt quy chuẩn bảo vệ môi trường quy định. Kết quả quan trắc các đợt cho thấy các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN40:2011/BTNMT, QCVN14:2008/BTNMT.

- Công tác quản lý nước mặt: Môi trường nước mặt qua các đợt quan trắc hầu hết các chỉ tiêu nằm trong giới hạn cho phép QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

- Công tác quản lý khí thải: Thực hiện duy trì việc bảo dưỡng máy móc, thiết bị đồng thời dùng xe téc để tưới nước dập bụi các tuyến đường nội mô, đường chuyên dùng, chấp hành nghiêm việc che phủ bạt các xe trong quá trình vận chuyển, nhằm giảm thiểu lượng khí thải bụi và tiếng ồn ra môi trường xung

quanh. Thực hiện trồng và chăm sóc cây xanh để cây xanh hấp thụ khí CO₂ và một số loại bụi có hại khác giúp cải thiện môi trường không khí và cải tạo cảnh quan môi trường.

- Tình hình quản lý chất thải rắn thông thường:

+ Đất đá thải thực hiện vận chuyển đổ thải theo đúng thiết kế của dự và quy hoạch đổ thải đã được phê duyệt.

+ Đối với rác thải sinh hoạt: Được thu gom vào các thùng chứa có nắp đặt tại các vị trí quy định và năm 2024 đơn vị đã ký HĐ số E02/HĐDV/2024 ngày 01/01/2024 hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt.

- Về quản lý chất thải nguy hại: Thực hiện phân loại thu gom lưu giữ chất thải nguy hại tại nhà kho chứa chất thải nguy hại, đảm bảo theo đúng quy định. Thực hiện ký hợp đồng với đơn vị đủ chức năng nhiệm vụ vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định. Năm 2024 ký hợp đồng số 01/2024/HĐTGCTNH/NSX-397 ngày 18/04/2024 với Công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại Môi trường xanh về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại và thu hồi sản phẩm sau xử lý năm 2024.

b) Chính sách liên quan đến người lao động

Trong năm Công ty thực hiện tăng cường về việc chấp hành kỷ luật, tăng năng suất lao động, bảo đảm thu nhập bình quân của người lao động năm sau luôn cao hơn năm trước. Kết hợp với công đoàn chăm lo đời sống vật chất tinh thần, sức khỏe của người lao động, thường xuyên chăm lo, khám sức khỏe thường xuyên, định kỳ cho NLD, khám phụ khoa cho lao động nữ, đối với công nhân lao động năng nhọc, độc hại được khám 02 lần trên năm. Thực hiện bồi dưỡng năng nhọc, độc hại bằng hiện vật đúng theo quy định nhà nước.

c) Chính sách, trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm công ty đã thực hiện nhiều việc làm thiết thực, có ý nghĩa và trách nhiệm đối với cộng đồng, đối với địa phương như: tặng quà tết cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn; thăm hỏi, tặng quà, tu sửa nghĩa trang liệt sĩ nhân ngày 27/7; hỗ trợ kinh phí làm đường khu dân cư; hỗ trợ phụ nữ và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; hỗ trợ các tổ chức chính trị, xã hội địa phương.... Ngoài ra, công ty còn xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ phong trào “ Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới”, ủng hộ Quỹ vì người nghèo.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Về sản lượng: Năm 2024 sản lượng sản xuất than 1.000.530 tấn đạt 100,05% so kế hoạch, đây là sự nỗ lực, cố gắng của toàn thể cán bộ, công nhân viên và người lao động trong Công ty. Công ty đã chủ động thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong mọi điều kiện cả khi thuận lợi, cũng như lúc khó khăn, các thiết bị chủ lực như máy khoan, máy xúc, xe ô tô vận chuyển hạng nặng đã đến giai đoạn xuống cấp, hết khấu hao cần phải đại tu, sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên nhiều, vật tư phải phụ thuộc và các hãng độc quyền, công tác nổ mìn chỉ nổ được những bãi mìn nhỏ lẻ dẫn đến tình trạng việc làm thường xuyên gián đoạn do phải chờ đất xúc, chờ

vật tư thay thế... Ngoài ra, do tình hình chiến sự Nga-Ucraina dẫn đến giá cả vật tư, nhiên liệu biến động không ngừng, phần nào đã tác động đến giá thành sản xuất của công ty. Trước những khó khăn, thách thức như vậy Ban lãnh đạo của công ty đã không ngừng đưa ra những giải pháp khắc phục, xây dựng phương án sản xuất trên cơ sở củng cố tốt các tổ xe, máy để đảm bảo hệ số khả dụng cao nhất, đảm bảo phát huy hết công suất thiết bị máy móc, động viên người lao động tích cực hết mức tối đa năng lực khi có yêu cầu về sản lượng thực hiện. Xây dựng kịch bản, dự báo tình hình biến động của thị trường đầu vào, chuẩn bị các phương án trong xây dựng giá thành sản phẩm, tiết giảm tối đa các chi phí không cần thiết, qua đó đã thực sự làm giảm chi phí, hạ giá thành sản xuất nhưng vẫn đảm bảo sản phẩm làm ra đủ về số lượng và tăng về chất lượng. Với sự vào cuộc đồng cả công ty đã đem lại lợi ích kinh tế rất lớn cho người lao động và các cổ đông.

- Về tài chính: Năm 2024, lợi nhuận trước thuế của công ty đã đảm bảo chỉ tiêu giao. Các chỉ tiêu tài chính của công ty như hệ số thanh toán, hệ số nợ, cơ cấu nguồn vốn đều đảm bảo ở mức an toàn.

- Về trách nhiệm môi trường: Công ty đã tích cực trong công tác môi trường như thực hiện quan trắc, đo đạc môi trường định kỳ, thường xuyên. Triển khai các dự án về phun sương dập bụi, tưới nước đường, xây dựng rào chắn khu vực sản xuất...

- Về trách nhiệm xã hội: Công ty đã tích cực tham gia có trách nhiệm các hoạt động xã hội như: Xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đồng đội, ủng hộ địa phương xây dựng phong trào, ủng hộ nông thôn mới, ủng hộ quỹ vì người nghèo... với giá trị lên tới 1.387,04 triệu đồng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong công ty và sự phát triển chung của công ty, Ban Giám đốc công ty đã hoàn thành xuất sắc chức trách và nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ, cũng như các nghị quyết, quyết định của HĐQT công ty. Chính vì vậy, các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đạt và vượt kế hoạch, tạo nền tảng ổn định, vững chắc cho sự phát triển bền vững của Công ty.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị sẽ bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện một số vấn đề trọng tâm sau:

Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, hiệu quả. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật vượt mức kế hoạch giao.

Phấn đấu tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh, thực hiện tốt các chiến lược trong sản xuất than, tận dụng tối đa các cơ hội phát triển, đảm bảo

hoàn thành các mục tiêu, trong bất kỳ tình huống nào công ty luôn duy trì hoạt động, từ đó góp phần đảm bảo doanh thu, thu nhập, việc làm cho người lao động.

Sử dụng đúng các quy định về môi trường, chăm lo đời sống cho người lao động và tích cực, có trách nhiệm tham gia các hoạt động xã hội.

V. QUẢN TRỊ VỀ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

1. Ông Đỗ Đình Kỳ - Chủ tịch HĐQT
 2. Ông Kiều Văn Sinh - Thành viên HĐQT
 3. Ông Phạm Xuân Huyền - Thành viên HĐQT
 4. Ông Văn Trung Tuyến - Thành viên HĐQT
 5. Bà Trần Thị Thu Hường - Thành viên HĐQT
- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

TT	Danh sách	Cổ phần sở hữu/đại diện	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
I	Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách		
1	Ông Đỗ Đình Kỳ	9.120/672.600	ĐD 23,137% phần vốn Nhà nước tại BCB
I	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành		
1	Ông Văn Trung Tuyến	0/1.140.000	Giám đốc Công ty TNHH xây dựng Quang Thành
2	Bà Trần Thị Thu Hường	8.320/653.334	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Du lịch Thổ Huân:
II	Thành viên Hội đồng quản trị khác		
2	Ông Kiều Văn Sinh	0/1.596.000	ĐD 54,90% phần vốn Nhà nước tại BCB
3	Ông Phạm Xuân Huyền	7.638/319.200	ĐD 10,98% phần vốn Nhà nước tại BCB

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT chưa thành lập các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Ban giám đốc công ty cổ phần 397 theo nội dung của Điều lệ công ty và Quy chế Quản trị nội bộ công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng

trong việc điều hành hoạt động của công ty qua Email, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ. Việc giám sát Ban giám đốc công ty thông qua Chủ tịch HĐQT chuyên trách.

- Các Nghị quyết/Quyết định Đại hội đồng cổ đông trong năm 2024

STT	Số nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2024/NQ- ĐHĐCĐ	22/04/2024	<p>Các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024;2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch năm 2024;3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024;4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 của Công ty Cổ phần 397;5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch năm 2024;6. Phương án chi trả cổ tức của năm 20237. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024;8. Chi trả tiền lương thù lao cho HĐQT, BKS, NQL Người phụ trách quản trị kiểm thư ký công ty năm 2023 và kế hoạch năm 2024;9. Ủy quyền một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ cho HĐQT Công ty;10. Điều chỉnh nội dung căn cứ pháp lý để ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của ban kiểm soát năm 2024.11. Kế hoạch đầu tư năm 2024;12. Danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ

STT	Số nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
			2022-2027. 13. Công bố kết quả miễn nhiệm và bầu bổ sung TV BKS nhiệm kỳ 2022-2027

- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm 2024

Số TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày, tháng, năm	Nội dung
1	Nghị quyết số 01/2024/QĐ- HĐQT		1. Thông qua nội dung thay đổi Người giữ phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần 397; 2. Thông báo công tác nhân sự của công ty; 3. Thông qua nội dung chi hỗ trợ Tết Nguyên đán cho người lao động từ nguồn quỹ phúc lợi của Công ty; 4. Thông qua quy chế Quản trị chi phí kinh doanh trong Công ty CP 397; 5. Thông báo điều chỉnh kế hoạch sản xuất than và các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ chủ yếu năm 2023; 6. Thông qua quy chế nghiệm thu khối lượng mỏ của Công ty cổ phần 397; 7. Thông báo quyết định điều chỉnh giảm doanh thu than sản xuất của của Tổng công ty Đông Bắc cho Công ty năm 2023; 8. Thông qua phương án quản lý, vận hành các hệ thống trạm bơm cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp cho khu vực phía Đông thị xã Đông Triều năm 2024;

Số TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày, tháng, năm	Nội dung
		10/01/2024	<p>9. Thông qua văn bản số 9082/ĐB-KTCN ngày 04/12/2024 của Tổng công ty Đông Bắc về việc: Thuê Đơn vị tư vấn chuyên ngành khảo sát, lập phương án nạo vét, xây dựng nâng cấp tuyến kênh, mương tiêu thoát nước từ đập tràn Khe Uơn I, II đến cầu Máng – cầu Cao – cầu liên thôn Hoàng Mô, xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều;</p> <p>10. Thông báo kế hoạch sản xuất than và các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ chủ yếu năm 2024;</p> <p>11. Thông báo các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và xây dựng đơn vị năm 2024;</p> <p>12. Thông báo chỉ tiêu kế hoạch lao động tiền lương năm 2024.</p>
2	Nghị quyết số 02/2024/QĐ- HĐQT	26/02/2024	<p>1. Thông qua Phương án thi công các công trình UPSCCTT-TKCN năm 2024;</p> <p>2. Thông qua việc bóc đất đá CBSX và đổ thải tại mỏ Nam Trảng Bạch năm 2024;</p> <p>3. Thông qua dự thảo Quy chế Quản lý, hoạt động bảo vệ môi trường;</p> <p>4. Thông qua nội dung điều chỉnh cổ phần cho người giữ phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần 397;</p> <p>5. Thông qua công tác cán bộ;</p> <p>6. Thông qua quy định sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị trong công ty;</p>

Số TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày, tháng, năm	Nội dung
			7. Thông qua thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
3	Nghị quyết số 03/2024/QĐ- HĐQT	19/3/2024	<p>Phê chuẩn thông qua thông qua công tác cán bộ.</p> <p>1. Bỏ nhiệm chức vụ Phó giám đốc Công ty đối với đồng chí Trần Văn Kiên.</p> <p>2. Bỏ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch Công ty đối với đồng chí Phan Nhật Tùng.</p>
4	Nghị quyết số 04/2024/QĐ- HĐQT	05/04/2024	<p>1. Thông qua nội dung đánh giá đối với cán bộ quản lý, người đại diện trong Công ty năm 2023;</p> <p>2. Thông báo kế hoạch khối lượng thuê ngoài năm 2024.</p>
5	Nghị quyết số 05/2024/QĐ- HĐQT	11/4/2024	<p>1. Thông qua Dự thảo văn kiện ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;</p> <p>2. Thông qua kết quả báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023;</p> <p>3. Thông qua công tác nhân sự của CT;</p> <p>4. Thông qua một số quy chế, quy định áp dụng trong Công ty CP 397.</p>
6	Nghị quyết số 06/2024/QĐ- HĐQT	02/5/2024	<p>1. Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2023 bằng tiền:</p>
7	Nghị quyết số 07/2024/QĐ- HĐQT	17/5/2024	<p>1. Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2023 bằng tiền (thay thế NQ số 06):</p>

Số TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày, tháng, năm	Nội dung
8	Nghị quyết số 08/2024/QĐ- HĐQT	28/6/2024	<p>1. Thông báo văn bản 3598/ĐB-ĐTXD ngày 13/5/2024 của TCT Đông Bắc về việc Thực hiện nhiệm vụ trong công tác thẩm định, phê duyệt phương án đảm bảo nguồn nước điều chỉnh;</p> <p>2. Thông báo Quyết định 3939/QĐ-ĐB ngày 24/5/2024 của Tổng công ty Đông Bắc về việc Ban hành Quy định quản lý và thực hiện công tác thuê ngoài của TCT Đông Bắc;</p> <p>3. Thông báo văn bản 4621/ĐB-KTCN ngày 14/6/2024 của Tổng Công ty Đông Bắc về việc: Giao kế hoạch chi phí môi trường tập trung năm 2024 đối với Công ty CP 397;</p> <p>4. Thông qua nội dung ban hành Quy định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất, kinh doanh của Công ty cổ phần 397.</p> <p>5. Thông qua công tác cán bộ.</p>
9	Nghị quyết số 09/2024/QĐ- HĐQT	15/7/2024	<p>1. Thông qua việc ban hành hệ thống thang lương, bảng lương và các chế độ phụ cấp lương theo Nghị định (73/2024/NĐ-CP; 74/2024/NĐ-CP) ngày 30/6/2024 của Chính phủ) áp dụng trong đơn vị kể từ 01/7/2024;</p>
	Nghị quyết số		<p>1. Thông báo Quyết nghị của Thường vụ Đảng ủy Tổng Công ty Đông Bắc</p>

Số TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày, tháng, năm	Nội dung
10	10/2024/QĐ- HĐQT	05/8/2024	<p>về công tác cán bộ của Công ty;</p> <p>2. Thông qua Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty cổ phần 397;</p> <p>3. Thông qua nội dung đề nghị khen thưởng đối với tập thể, cá nhân trong việc thực hiện Luật Quân nhân chuyên nghiệp.</p>
11	Nghị quyết số 11/2024/QĐ- HĐQT	28/8/2024	<p>1. Thông báo văn bản số 6479/ĐB-ĐTXD ngày 22/8/2024 của Tổng công ty Đông Bắc về việc: Thông qua nội dung điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển (ĐTPT) năm 2024 của Công ty cổ phần 397;</p> <p>2. Thông báo văn bản số 6480/ĐB-ĐTXD ngày 22/8/2024 của Tổng công ty Đông Bắc về việc: Thông qua báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án đầu tư trang thiết bị phục vụ sản xuất năm 2024 của Công ty cổ phần 397;</p> <p>3. Thông qua nội dung phê duyệt Báo cáo chi tiết Kinh tế kỹ thuật Dự án đầu tư trang thiết bị phục vụ sản xuất năm 2024.</p>
12	Nghị quyết số 12/2024/QĐ- HĐQT		<p>1. Thông qua kết quả Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 đã được kiểm toán kết thúc ngày 30/6/2024;</p> <p>2. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 và dự kiến 6 tháng cuối năm 2024.</p> <p>3. Thông qua văn bản số 6984/ĐB-</p>

Số TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày, tháng, năm	Nội dung
		12/9/2024	<p>KTCN ngày 11/9/2024 của TCT Đông Bắc về Phương án xử lý đất đá sạt lở xuống tuyến đường vận chuyển cánh Nam, khu II-Mỏ Nam Tràng Bạch;</p> <p>4. Thông qua nội dung đề nghị Tổng công ty Đông Bắc phê duyệt bổ sung khối lượng thuê ngoài phục vụ sản xuất năm 2024.</p>
13	<p>Nghị quyết số 13/2024/QĐ- HĐQT</p>	16/9/2024	<p>1. Thông báo văn bản số 7069/ĐB-CDVT ngày 13/9/2024 của TCT Đông Bắc về việc: Loại khỏi biên chế và xử lý trang bị kỹ thuật của CTCP 397.</p> <p>2. Thông báo văn bản số 7107/ĐB-KH ngày 16/9/2024 của Tổng công ty Đông Bắc về việc: Bổ sung kế hoạch khối lượng thuê ngoài năm 2024;</p> <p>3. Thông qua Kế hoạch sửa chữa TĐT tài sản cố định năm 2024 Công ty cổ phần 397;</p> <p>4. Thông qua nội dung ký phụ lục điều chỉnh hợp đồng bổ sung khối lượng thuê ngoài phục vụ sản xuất năm 2024;</p> <p>5. Thông qua nội dung đề nghị điều chỉnh diện sản xuất và cung độ vận chuyển đất đá trong kế hoạch sản xuất năm 2024 – Mỏ Nam Tràng Bạch;</p> <p>6. Thông qua nội dung triển khai ký hợp đồng đo giám sát ảnh hưởng nổ mìn và lập báo cáo kết quả giám sát ảnh hưởng nổ mìn tại khai trường khu</p>

Số TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày, tháng, năm	Nội dung
			II mỏ Nam Trảng Bạch;
14	Nghị quyết số 14/2024/QĐ- HĐQT	25/10/2024	<p>1. Thông báo văn bản số 8054/ĐB-KTCN ngày 18/10/2024 của Tổng công ty Đông Bắc về việc: Ký hợp đồng thuê đơn vị tư vấn có chức năng đo giám sát ảnh hưởng nổ mìn và lập báo cáo kết quả giám sát ảnh hưởng nổ mìn tại khai trường khu II mỏ Nam Trảng Bạch;</p> <p>2. Thông báo văn bản số 8240/ĐB-KTCN ngày 25/10/2024 của Tổng công ty Đông Bắc về việc: Thông báo điều chỉnh kế hoạch sản xuất than và các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ chủ yếu năm 2024 của Công ty cổ phần 397;</p> <p>3. Thông qua nội dung đề nghị Tổng công ty Đông Bắc bổ sung, điều chỉnh khối lượng thuê ngoài khoan, nổ mìn, bốc xúc, vận chuyển đất đá phục vụ sản xuất năm 2024;</p> <p>4. Thông qua nội dung Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh của CTCP 397</p>
15	Nghị quyết số		1. Thông báo văn bản số 8327/ĐB-KH ngày 28/10/2024 của TCT Đông Bắc về việc: Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch

Số TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày, tháng, năm	Nội dung
	15/2024/QĐ- HDQT	11/11/2024	<p>khối lượng thuê ngoài năm 2024;</p> <p>2. Thông báo văn bản số 8471/QĐ-KH ngày 01/11/2024 của Tổng công ty Đông Bắc về việc: Thông báo tạm giao kế hoạch khối lượng thuê ngoài phục vụ sản xuất năm 2025 của Công ty cổ phần 397;</p> <p>3. Thông qua giá trị và khối lượng dự kiến thuê ngoài phục vụ sản xuất năm 2025</p>
16	Nghị quyết số 16/2024/QĐ- HDQT	05/12/2024	<p>1. Thông báo Quyết định số 8956/QĐ-ĐB ngày 15/11/2024 của Tổng công ty Đông Bắc về việc: Phê duyệt tỷ lệ trích lập để hình thành Chi phí tập trung của Tổng công ty Đông Bắc năm 2024 (Điều chỉnh);</p> <p>2. Thông báo văn bản số 9228/ĐB-KH ngày 26/11/2024 của Tổng công ty Đông Bắc về việc: Thông báo điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 Công ty cổ phần 397;</p> <p>3. Thông báo Quỹ tiền lương điều chỉnh năm 2024;</p> <p>4. Thông qua Dự thảo hệ thống thang lương, bảng lương và các chế độ phụ cấp lương áp dụng từ 01/01/2025;</p> <p>5. Thông qua Dự thảo quy định tiền lương tháng, ngày, giờ và cơ chế trả lương đối với một số chức danh, vị trí việc làm chủ yếu áp dụng từ 01/01/2025;</p>

Số TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày, tháng, năm	Nội dung
			6. Thông qua Dự thảo danh mục các chức danh, vị trí việc làm áp dụng thực hiện cho năm 2025; 7. Thông qua kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2024;

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần 397 hiện nay có 02 thành viên độc lập không tham gia điều hành là ông Văn Trung Tuyến và bà Trần Thị Thu Hương là người có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý và điều hành các công ty cổ phần, có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực Đầu tư, tài chính, tiền tệ. Các thành viên HĐQT này đã đóng góp tích cực trong việc xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất của công ty.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Công ty không có các tiểu ban

f) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Toàn bộ các thành viên HĐQT công ty đều đã tham gia khóa học về Quản trị doanh nghiệp và có nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực này.

2. Ban kiểm soát

a) Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát: gồm 03 thành viên

1- Ông Bùi Quang Hưng - Trưởng ban kiểm soát

2- Ông Nguyễn Đình Luân (bổ nhiệm ngày 22/04/2024) - Thành viên

3- Ông Nguyễn Quách Tùng (miễn nhiệm ngày 22/04/2024)- Thành viên

4- Ông Mai Xuân Trường - Thành viên

b) Các thành viên Ban viên Ban kiểm soát

TT	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1	Ông Bùi Quang Hưng	6.840	Không
2	Ông Nguyễn Đình Luân	6.498	Nhân viên p. Kế hoạch CT cổ phần

TT	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
			397
3	Ông Nguyễn Quách Tùng	5.814	PP CĐVT CT cổ phần 397
4	Ông Mai Xuân Trường	0	KTT Công ty TNHH xây dựng Quang Thành (từ 22/4/2022)

c) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, ban điều hành Công ty cổ phần 397 theo nội dung của Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị.

Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Sự phối hợp giữa BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Tham gia xây dựng các quy chế quản lý nội bộ phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

a) Thù lao của HĐQT, Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty năm 2024

Công ty cổ phần 397 đã chi trả tiền lương, thù lao cho chủ tịch HĐQT, Giám đốc và Ban kiểm soát công ty năm 2024 cụ thể như sau:

Số TT	Họ và tên	Chức danh	Tổng tiền lương/ thù lao thực lĩnh năm 2024	Ghi chú
I	Tiền lương của Chủ tịch HĐQT; Giám đốc; TB kiểm soát			
2	Đỗ Đình Kỳ	Chủ tịch HĐQT	550.815.149	
3	Kiều Văn Sinh	Giám đốc	540.086.432	
2	Bùi Quang Hưng	TB Kiểm soát	336.094.665	
II	Thù lao của Chủ tịch HĐQT; Giám đốc; TB kiểm soát			
1	Đỗ Đình Kỳ	Chủ tịch HĐQT	Chuyên trách	
2	Kiều Văn Sinh	Giám đốc	40.500.000	
3	Bùi Quang Hưng	TB Kiểm soát	Chuyên trách	
	Tổng cộng		1.467.496.246	

- b) Giao dịch cổ phiếu nội bộ: Không
c) Hợp đồng và giao dịch với cổ đông nội bộ:
- Giao dịch với Tổng Công ty Đông Bắc
+ Trả nợ vay: 1.070.416.835.342 đồng
+ Trả lãi vay: 4.872.807.350 đồng

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của công ty cổ phần 397 (có bản phô tô đính kèm)

Chi tiết quý cổ đông có thể xem báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty trên Website: [www://congtycophan397.com.vn/](http://congtycophan397.com.vn/)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GDCK Hà nội;
- [www://congtycophan397.com.vn/](http://congtycophan397.com.vn/);
- Lưu: VT, HĐQT.O05.



Kiều Văn Sính

CÔNG TY CỔ PHẦN 397
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần 397 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Đình Kỳ	Chủ tịch
Ông Kiều Văn Sính	Thành viên
Ông Phạm Xuân Huyền	Thành viên
Ông Văn Trung Tuyển	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Bùi Quang Hưng	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Quách Tùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 22/04/2024)
Ông Nguyễn Đình Luân	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 22/04/2024)
Ông Trần Tiến Trung	Thành viên	
Ông Mai Xuân Trường	Thành viên	

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Kiều Văn Sính	Giám đốc	
Ông Đỗ Quang Thái	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 13/03/2024)
Ông Phạm Hồng Sơn	Phó Giám đốc	(Chuyển ngày 20/02/2024)
Ông Trần Văn Kiên	Phó Giám đốc	(Điều động ngày 20/02/2024)
Ông Phạm Xuân Huyền	Phó Giám đốc	
Ông Phan Đức Trung	Phó Giám đốc	

Kế toán trưởng của Công ty là Ông Nguyễn Đình Thuận.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, ban hành bởi Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Kiều Văn Sinh

Giám đốc

Quảng Ninh, Ngày 21 tháng 03 năm 2025



Số: 281 /2025/UHYHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần 397

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 397 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 21 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 31 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 397 tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

**CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**



ĐẶNG MINH ĐỨC – Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4885-2025-112-1

LAI TRƯỜNG DƯƠNG - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3392-2021-112-1

CÔNG TY CỔ PHẦN 397Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.247.505.582	41.366.242.124
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	327.266.766	2.957.189.189
Tiền	111		327.266.766	2.957.189.189
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.657.375.904	15.445.424.618
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		252.573.048	27.481.740
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		932.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5	14.472.802.856	15.417.942.878
Hàng tồn kho	140		7.996.247.043	5.010.835.716
Hàng tồn kho	141	6	7.996.247.043	5.010.835.716
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.266.615.869	17.952.792.601
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	11.266.615.869	5.553.074.912
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	12.399.717.689
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		249.691.285.745	329.990.885.701
Các khoản phải thu dài hạn	210		41.730.374.443	36.098.555.349
Phải thu dài hạn khác	216	5	41.730.374.443	36.098.555.349
Tài sản cố định	220		62.086.321.465	81.982.469.568
Tài sản cố định hữu hình	221	10	62.086.321.465	81.976.302.918
- Nguyên giá	222		233.734.229.325	229.915.404.218
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(171.647.907.860)	(147.939.101.300)
Tài sản cố định vô hình	227	8	-	6.166.650
- Nguyên giá	228		347.323.529	347.323.529
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(347.323.529)	(341.156.879)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.428.260.990	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	3.428.260.990	-
Tài sản dài hạn khác	260		142.446.328.847	211.909.860.784
Chi phí trả trước dài hạn	261	7	141.599.322.847	211.909.860.784
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		847.006.000	-
TỔNG TÀI SẢN	270		284.938.791.327	371.357.127.825

CÔNG TY CỔ PHẦN 397Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		206.738.969.686	291.442.596.208
Nợ ngắn hạn	310		167.808.719.669	258.822.157.414
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	72.357.128.932	95.209.118.793
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	10.198.763.636	7.400.695.805
Phải trả người lao động	314		14.373.785.147	20.278.920.679
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	337.472.122	205.654.550
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		120.000.000	120.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	69.213.019.038	133.802.517.417
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.208.550.794	1.805.250.170
Nợ dài hạn	330		38.930.250.017	32.620.438.794
Dự phòng phải trả dài hạn	342	15	38.930.250.017	32.620.438.794
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		78.199.821.641	79.914.531.617
Vốn chủ sở hữu	410	16	77.026.753.395	77.799.842.495
Vốn góp của chủ sở hữu	411		57.000.000.000	57.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		57.000.000.000	57.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.026.753.395	20.799.842.495
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		20.026.753.395	20.799.842.495
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.173.068.246	2.114.689.122
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		1.173.068.246	2.114.689.122
TỔNG NGUỒN VỐN	440		284.938.791.327	371.357.127.825

Quảng Ninh, Ngày 21 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Đoàn Trung Kiên

Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thuận

Giám đốc



Kiều Văn Sính

CÔNG TY CỔ PHẦN 397Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	1.070.572.594.480	1.509.162.129.968
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.070.572.594.480	1.509.162.129.968
Giá vốn hàng bán	11	18	959.306.222.579	1.376.584.533.250
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111.266.371.901	132.577.596.718
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.374.103.949	1.170.786.770
Chi phí tài chính	22	20	4.872.807.350	13.707.734.935
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.872.807.350	13.707.734.935
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	81.636.785.206	93.438.766.272
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.130.883.294	26.601.882.281
Thu nhập khác	31	22	432.863.342	985.210.263
Chi phí khác	32	23	263.030.919	573.143.946
Lợi nhuận khác	40		169.832.423	412.066.317
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.300.715.717	27.013.948.598
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	6.273.962.322	6.214.106.103
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.026.753.395	20.799.842.495
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	2.811	2.919
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	2.811	2.919

Quảng Ninh, Ngày 21 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Đoàn Trung Kiên

Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thuận

Giám đốc



Kiều Văn Sính

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		26.300.715.717	27.013.948.598
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		23.146.648.294	34.685.799.109
Các khoản dự phòng	03		6.309.811.223	5.659.756.108
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(1.374.103.949)	(1.170.786.770)
Chi phí lãi vay	06		4.872.807.350	13.707.734.935
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		59.255.878.635	79.896.451.980
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.708.941.309	(14.572.657.099)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.985.411.327)	(2.727.711.469)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(93.759.446.834)	(62.008.444.112)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		64.596.996.980	59.109.770.274
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.872.807.350)	(13.707.734.935)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.915.331.043)	(9.686.116.672)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		275.400.000	314.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.033.641.871)	(4.953.881.142)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.270.578.499	31.663.676.825
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.247.086.097)	(11.568.627.028)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.878.534	15.764.335
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.236.207.563)	(11.552.862.693)

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.664.293.359)	(18.817.705.609)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.664.293.359)	(18.817.705.609)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.629.922.423)	1.293.108.523
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	2.957.189.189	1.664.080.666
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	327.266.766	2.957.189.189

Quảng Ninh, Ngày 21 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đoàn Trung Kiên

Nguyễn Đình Thuận

Kiều Văn Sính

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần 397 tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên 397 được thành lập theo Quyết định số 3138/QĐ-BQP ngày 24 tháng 08 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc chuyển xí nghiệp khai thác than 397 thuộc Tổng công ty Đông Bắc thành Công ty TNHH Một thành viên 397. Công ty Cổ phần 397 (gọi tắt là “Công ty”) được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 5701435907 ngày 25/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp, thay đổi lần thứ 6 ngày 18/07/2023, thay đổi lần thứ 7 ngày 06/11/2024.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty ngày 31/12/2024 là 57.000.000.000 đồng chia thành 5.700.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Tổng công ty Đông Bắc góp 29.070.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 51%, các cổ đông khác góp 27.930.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 403 người (tại ngày 31/12/2023 là 406 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Khai thác và thu gom than.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty là Khai thác và thu gom than.

Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than bùn; Khai thác và thu gom than non; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Vận tải hàng hóa đường bộ; Vận tải đường ống; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; Sửa chữa thiết bị khác.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu dùng để so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá xuất của hàng hóa miễn thuế được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 37
- Máy móc, thiết bị	05 – 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí giải phóng mặt bằng khu đất Văn phòng Yên Thọ, chi phí trả trước khu Văn phòng Yên Thọ chi phí dự án Nam Tràng Bạch, chi phí trả trước thuê xe và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 đến 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 đến 24 tháng.

Chi phí giải phóng mặt bằng khu đất Văn phòng Yên Thọ được phân bổ theo thời gian thuê đất là 50 năm.

Chi phí trả trước khu nhà Văn phòng Yên Thọ được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê trong 10 năm.

Chi phí Dự án Nam Tràng Bạch được phân bổ vào chi phí theo sản lượng của dự án.

Chi phí thuê xe được phân bổ theo thời gian thuê trong 60 tháng.

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa (than cứng, than bùn, ...)

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

3.13 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lăng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các Công ty thuộc Tổng Công ty và các công ty con cùng Tổng Công ty.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	82.983.201	168.754.049
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	244.283.565	2.788.435.140
Cộng	327.266.766	2.957.189.189

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	14.472.802.856	-	15.417.942.878	-
- Phải thu về lãi tiền ký quỹ phục hồi môi trường	5.010.982.091	-	3.647.756.676	-
- Tạm thu tiền đền bù GPMB đối trừ tiền thuê đất Dự án Nam Trảng Bạch	8.551.261.680	-	11.033.725.996	-
- Phải thu khác	910.559.085	-	736.460.206	-
Dài hạn	41.730.374.443	-	36.098.555.349	-
- Ký cược, ký quỹ	41.730.374.443	-	36.098.555.349	-
Cộng	56.203.177.299	-	51.516.498.227	-

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.308.472.088	-	4.563.737.413	-
Thành phẩm	687.774.955	-	447.098.303	-
Cộng	7.996.247.043	-	5.010.835.716	-

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	11.266.615.869	5.553.074.912
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.165.623.375	5.468.801.788
- Chi phí mua bảo hiểm	100.992.494	84.273.124
Dài hạn	141.599.322.847	211.909.860.784
- Chi phí trả trước thuê máy xúc Volvo L150h	467.133.332	682.733.333
- Chi phí thuê nhà điều hành công trường	130.507.976	1.696.603.736
- Chi phí trả trước khu nhà Văn phòng Yên Thọ	4.645.981.752	5.807.477.184
- Chi phí giải phóng mặt bằng khu đất Văn phòng Yên Thọ	10.025.039.467	13.838.843.771
- Chi phí dự án Nam Trảng Bạch	100.925.624.855	156.474.830.632
- Chi phí trả trước thuê 5 xe theo HĐ số 03/2021/ĐB-AV-TTB	7.602.119.056	11.036.119.061
- Chi phí trả trước thuê máy gạt	199.067.515	796.270.053
- Chi phí trả trước thuê máy xúc	1.963.000.006	2.573.102.164
- Chi phí trả trước thuê 5 xe CAT	2.469.090.912	4.938.181.824
- Chi phí trả trước thuê máy xúc (máy T1-2020)	1.157.666.667	2.121.190.482
- Chi phí trả trước thuê xe (5 xe Komatsu và 1 máy xúc)	4.464.926.385	7.851.861.482
- Các khoản khác	7.549.164.924	4.092.647.062
Cộng	152.865.938.716	217.462.935.696

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	347.323.529	347.323.529
31/12/2024	347.323.529	347.323.529
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2024	(341.156.879)	(341.156.879)
- Khấu hao trong năm	(6.166.650)	(6.166.650)
31/12/2024	(347.323.529)	(347.323.529)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	6.166.650	6.166.650
31/12/2024	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là:
347.323.529 VND (Tại ngày 01/01/2024 là 254.823.530 VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Mua sắm	2.840.736.916	-
+ Lập báo cáo KTKT dự án đầu tư	226.851.852	-
+ Mua sắm xe ô tô bán tải Ford Ranger	761.326.545	-
+ Mua sắm xe ca chở công nhân (34 chỗ ngồi)	1.852.558.519	-
- Nạo vét, nâng cấp, xây dựng tuyến kênh xả sau tràn xả lũ hồ Khe Uơn I	587.524.074	-
Cộng	3.428.260.990	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	39.098.884.457	91.998.842.371	98.434.039.845	383.637.545	229.915.404.218
- Đầu tư XDCB hoàn thành	123.882.190	687.927.592	4.089.503.705	-	4.901.313.487
- Mua trong năm	-	-	-	155.500.000	155.500.000
- Giảm khác (*)	(1.237.988.380)	-	-	-	(1.237.988.380)
31/12/2024	37.984.778.267	92.686.769.963	102.523.543.550	539.137.545	233.734.229.325
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(18.810.316.078)	(44.763.562.732)	(84.035.112.218)	(330.110.272)	(147.939.101.300)
- Khấu hao trong năm	(5.295.903.371)	(13.275.798.556)	(5.473.099.878)	(37.300.715)	(24.082.102.520)
- Giảm khác (*)	373.295.960	-	-	-	373.295.960
31/12/2024	(23.732.923.489)	(58.039.361.288)	(89.508.212.096)	(367.410.987)	(171.647.907.860)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	20.288.568.379	47.235.279.639	14.398.927.627	53.527.273	81.976.302.918
31/12/2024	14.251.854.778	34.647.408.675	13.015.331.454	171.726.558	62.086.321.465

(*) Ghi giảm chi phí tư vấn, chi phí khác của khu đất 15.677,3m² Yên Thọ theo quyết định 2920/QĐ-ĐB ngày 15/04/2024 với giá trị là 698.153.492 đồng; Giảm giá trị nguyên giá TSCĐ bị thiệt hại sau bão số 3 Yagi với tổng giá trị là 539.834.888 đồng.
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là: 66.441.869.763 VND (Tại ngày 01/01/2024 là 64.385.905788 VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	72.357.128.932	72.357.128.932	95.209.118.793	95.209.118.793
- Tổng Công ty Kinh tế KTCN Quốc phòng	17.169.034.605	17.169.034.605	25.980.195.284	25.980.195.284
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Vcapital	3.144.475.520	3.144.475.520	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ vận tải Trung Nghĩa	16.976.186.734	16.976.186.734	33.073.125.110	33.073.125.110
- Chi nhánh Công ty TNHH Thiết bị nặng Marubeni tại Quảng Ninh	1.848.399.820	1.848.399.820	203.764.060	203.764.060
- Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng công nghiệp Việt Ý	3.090.677.256	3.090.677.256	545.205.864	545.205.864
- Công ty TNHH Thiết bị mở An Nguyên	1.950.298.736	1.950.298.736	3.046.157.226	3.046.157.226
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Khải Đăng	1.219.760.456	1.219.760.456	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Tín Thành	-	-	7.852.514.965	7.852.514.965
- Công ty khác	26.958.295.805	26.958.295.805	24.508.156.284	24.508.156.284
Cộng	72.357.128.932	72.357.128.932	95.209.118.793	95.209.118.793

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC****Thuế và các khoản phải nộp**

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế tài nguyên
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất
- Các loại thuế khác
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Cộng

01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
VND	VND	VND	VND
-	22.022.656.762	21.640.474.278	382.182.484
1.915.331.043	6.273.962.322	1.915.331.043	6.273.962.322
14.729.495	1.964.779.898	1.976.800.085	2.709.308
4.133.507.019	179.415.198.289	180.459.723.305	3.088.982.003
670.746.090	6.792.952.455	7.429.603.444	34.095.101
-	3.000.000	3.000.000	-
666.382.158	16.621.119.776	16.870.669.516	416.832.418
7.400.695.805	233.093.669.502	230.295.601.671	10.198.763.636

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	337.472.122	205.654.550
- Chi phí Kiểm toán BCTC	41.666.667	38.500.000
- Chi phí tiền điện	-	161.901.741
- Chi phí động lực	257.366.319	-
- Trích trước Chi phí phải trả nước thải CN	38.439.136	5.252.809
Cộng	337.472.122	205.654.550

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	69.213.019.038	133.802.517.417
- Kinh phí công đoàn	975.033.185	735.053.412
- Tiền thuê đất	2.368.639.689	2.368.639.689
- Tổng công ty Đông Bắc	44.239.743.154	117.685.344.195
- Cổ tức phải trả các cổ đông	61.135.746	87.129.105
- Phí cấp quyền KTKS TN333	13.908.940.308	6.325.338.037
- Phải trả các khoản thưởng CV, CNV	2.827.700.000	2.144.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.831.826.956	4.457.012.979
Cộng	69.213.019.038	133.802.517.417

Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 29.1

15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dài hạn	38.930.250.017	32.620.438.794
- Chi phí hoàn nguyên môi trường dự án Nam Trảng Bạch	38.930.250.017	32.620.438.794
Cộng	38.930.250.017	32.620.438.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	50.000.000.000	6.905.979.679	23.594.132.184	80.500.111.863
- Tăng vốn trong năm trước	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	20.799.842.495	20.799.842.495
- Phân phối lợi nhuận	-	(6.905.979.679)	(23.594.132.184)	(30.500.111.863)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(4.718.826.437)	(4.718.826.437)
+ Tăng vốn điều lệ	-	(6.905.979.679)	(94.020.321)	(7.000.000.000)
+ Chia cổ tức	-	-	(18.781.285.426)	(18.781.285.426)
31/12/2023	57.000.000.000	-	20.799.842.495	77.799.842.495
01/01/2024	57.000.000.000	-	20.799.842.495	77.799.842.495
- Lãi trong năm nay	-	-	20.026.753.395	20.026.753.395
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(20.799.842.495)	(20.799.842.495)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(4.161.542.495)	(4.161.542.495)
+ Chia cổ tức	-	-	(16.638.300.000)	(16.638.300.000)
31/12/2024	57.000.000.000	-	20.026.753.395	77.026.753.395

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2024 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

16.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tổng công ty Đông Bắc	29.070.000.000	29.070.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng Quang Thành	11.400.000.000	11.400.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thổ Huân	6.533.340.000	6.533.340.000
- Các cổ đông khác	9.996.660.000	9.996.660.000
Cộng	57.000.000.000	57.000.000.000

16.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.700.000	5.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.700.000	5.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.700.000	5.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.700.000	5.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.700.000	5.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu	1.070.572.594.480	1.509.162.129.968
- Doanh thu bán than	1.056.897.122.014	1.498.426.679.232
- Doanh thu sản phẩm ngoài than	-	2.915.930.340
- Doanh thu bán đất đá thải mỏ, phế liệu	10.918.855.903	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.756.616.563	7.819.520.396
Cộng	1.070.572.594.480	1.509.162.129.968

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 29.1

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Giá vốn bán than	946.985.639.296	1.366.776.894.143
- Giá vốn sản phẩm ngoài than	-	2.480.464.156
- Giá vốn bán đất đá thải mỏ, phế liệu	9.563.966.720	-
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.756.616.563	7.327.174.951
Cộng	959.306.222.579	1.376.584.533.250

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.374.103.949	1.170.786.770
Cộng	1.374.103.949	1.170.786.770

20. CHI PHÍ LÃI VAY

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	4.872.807.350	13.707.734.935
Cộng	4.872.807.350	13.707.734.935

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	27.283.044.675	26.561.888.987
- Chi phí vật liệu quản lý	823.498.886	823.356.920
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2.735.965.694	1.878.109.919
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	3.091.603.838	3.741.619.550
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.744.544.611	12.844.268.918
- Chi phí bằng tiền khác	36.958.127.502	47.589.521.978
Cộng	81.636.785.206	93.438.766.272

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thu tiền giảm 30% tiền thuê đất theo QĐ 25/2023/QĐ-TTg	415.615.062	-
- Bán vật tư phế liệu	-	239.505.200
- Kinh phí 2% không thực hiện công tác GPMB dự án 9a, 9b theo QĐ 782/QĐ-UBND ngày 02/08/2021	-	552.566.000
- Các khoản khác	17.248.280	193.139.063
Cộng	432.863.342	985.210.263

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi nộp phạt	76.391.991	573.143.946
- Giá trị tài sản bị thiệt hại sau bão số 3 (Bão Yagi)	186.638.928	-
Cộng	263.030.919	573.143.946

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.300.715.717	27.013.948.598
Các khoản chi phí không được khấu trừ	5.069.095.894	3.737.706.616
- Chênh lệch khấu hao	4.571.015.743	3.092.562.670
- Tiền thuế bổ sung, chậm nộp sau Kiểm tra thuế 2023 (QĐ 6465/QĐ-CTQNI ngày 26/6/2023 của Cục Thuế tỉnh QN)	-	436.279.881
- Tiền chậm nộp thuế TNCN từ T1-T5/2023	76.391.991	-
- Tiền thuế Tài nguyên nước năm 2022-2023	318.188.160	136.864.065
- Tiền lương và phụ cấp HĐQT không tham gia trực tiếp điều hành sản xuất	103.500.000	72.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	31.369.811.611	30.751.655.214
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	6.273.962.322	6.150.331.043
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	63.775.060
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.273.962.322	6.214.106.103

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	20.026.753.395	20.799.842.495
Các khoản điều chỉnh:	4.005.350.679	4.159.968.499
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	4.005.350.679	4.159.968.499
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.700.000	5.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.811	2.919

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2023 theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2024. Năm 2024, Công ty đang tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 22/04/2024.

26. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	229.682.375.563	254.650.451.080
- Chi phí nhân công	96.736.418.065	95.016.109.460
- Khấu hao tài sản cố định	23.146.648.294	34.685.799.109
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	363.990.101.338	743.744.729.751
- Chi phí bằng tiền khác	327.628.141.177	342.373.308.425
	1.041.183.684.437	1.470.470.397.825

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong năm, Công ty kinh doanh chủ yếu là than (chiếm trên 98% tổng doanh thu) và địa bàn hoạt động ở khu vực tỉnh Quảng Ninh. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng Báo cáo tài chính.

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**29.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tổng công ty Đông Bắc	Công ty Mẹ
- Công ty Xây dựng Công nghiệp Mỏ - Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc	Đơn vị phụ thuộc Công ty Mẹ
- Trung tâm Giám định – Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc	Đơn vị phụ thuộc Công ty Mẹ
- Công ty Cảng – Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc	Đơn vị phụ thuộc Công ty Mẹ

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
- Tổng công ty Đông Bắc	1.070.001.220.280	1.507.444.785.410
Mua hàng hóa và thuê dịch vụ		
- Công ty Cảng - Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc	-	460.474.635
- Công ty Xây dựng Công nghiệp Mỏ - Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc	148.993.112.800	181.444.490.126
- Trung Tâm Giám định – Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc	2.241.658.327	2.541.468.589
- Tổng công ty Đông Bắc	140.842.486.383	136.207.433.010

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2024	01/01/2024
Phải trả khác ngắn hạn		
- Tổng công ty Đông Bắc	44.239.743.154	117.685.344.195

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều,
Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

29.2 THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị		742.581.757	643.530.044
Ông Kiều Văn Sính	Thành viên	40.500.000	30.000.000
Ông Đỗ Đình Kỳ	Chủ tịch	580.581.757	533.530.044
Ông Phạm Xuân Huyền	Thành viên	40.500.000	20.000.000
Ông Văn Trung Tuyển	Thành viên	40.500.000	30.000.000
Bà Trần Thị Thu Hường	Thành viên	40.500.000	30.000.000
Thu nhập của các thành viên Ban Kiểm soát		434.844.442	597.282.898
Ông Bùi Quang Hưng	Trưởng ban	362.844.442	305.458.445
Ông Nguyễn Quách Tùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/4/2024)	5.000.000	261.824.453
Ông Trần Tiến Trung	Thành viên	28.500.000	18.000.000
Ông Mai Xuân Trường	Thành viên	22.500.000	12.000.000
Ông Nguyễn Đình Luân	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 22/04/2024)	16.000.000	-
Thu nhập của Ban Giám đốc		2.393.646.383	2.419.860.844
Ông Kiều Văn Sính	Giám đốc	616.099.318	629.839.401
Ông Đỗ Quang Thái	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/03/2024)	151.664.589	464.967.219
Ông Phạm Hồng Sơn	Phó Giám đốc (Chuyển ngày 20/02/2024)	158.737.660	434.225.138
Ông Phạm Xuân Huyền	Phó Giám đốc	514.667.542	428.234.779
Ông Trần Văn Kiên	Phó Giám đốc (Điều động ngày 20/02/2024)	504.886.249	-
Ông Phan Đức Trung	Phó Giám đốc	447.591.025	462.594.307
Cộng		3.571.072.582	3.660.673.786

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội – Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Quảng Ninh, Ngày 21 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Đoàn Trung Kiên

Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thuận

Giám đốc



Kiều Văn Sính